

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HSNCTN-ST

Ngày: 20 - 02 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Quý Chi

Thẩm phán: Ông Trần Văn Nhum

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lương Thị Diệu - Nguyên Phó chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh Bình Phước

- Bà Lê Nguyễn Thị Ngọc Lan – Phó Hiệu Trưởng trường Chính trị tỉnh B

- Ông Vũ Văn Đán - Phó Trưởng phòng Quản lý lĩnh vực Xã hội - Sở Lao động, Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Phước

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Mai Chí Thọ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Lưu Văn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số 22/2024/TLST-HS-NCTN ngày 01 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HS-NCTN ngày 23 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

Bị cáo: **Điều Huỳnh Đ**, tên gọi khác: không; sinh năm 1999 tại tỉnh Bình Phước; nơi thường trú: thôn G, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: S'tiêng (X'tiêng); giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Điều Đ1 (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, bị cáo có vợ tên là Điều Thị N1, sinh năm 1996 và có 02 con là Điều Thị Ngọc T sinh ngày 24/02/2019 và Điều Thị Ngọc N2 sinh ngày 26/5/2016; tiền án: không; tiền sự: Ngày 24/02/2020, bị tòa án nhân dân huyện Bù Đăng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 06 thời hạn là 24 tháng, chấp hành xong ngày 26/8/2023; Ngày 21/8/2024, bị Công an huyện B xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 36/QĐ-XPHC ngày 21/8/2024 về hành vi cố ý gây thương tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo: **Trần Anh H**, tên gọi khác: không; sinh ngày: 08/9/2006 tại tỉnh Bình Phước; nơi thường trú: thôn G, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ văn hóa: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật; con ông Trần Văn H1, sinh năm 1978 và bà Điều Thị Ngọc T1, sinh năm 1982, bị cáo có 02 chị gái, bị cáo chưa có vợ con; tiền án: không, tiền sự: Ngày 21/8/2024, bị C1 Đăng tỉnh Bình Phước xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 35/QĐ-XPHC ngày 21/8/2024 về hành vi cố ý gây thương tích. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Trần Anh H (khi bị cáo chưa đủ 18 tuổi) đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Trần Văn H1, sinh năm 1978 và bà Điều Thị Ngọc T1, sinh năm 1982, cùng địa chỉ: thôn G, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt).

- *Bị hại:* Điều B, sinh năm 2001, địa chỉ: thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Anh H:* bà Trương Thị Bích H2 - Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm Trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh B. (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Điều Huỳnh Đ:* Luật sư Lê Văn N3 - Văn phòng L1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: Quốc lộ A, thị trấn Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Điều P, sinh năm 1984 và bà Thị C, sinh năm 1982 (cùng có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- *Người làm chứng:*

+ Anh Điều S, sinh năm 2009. (Vắng mặt)

Người đại diện của anh Đ3 S: Bà Thị D, sinh năm 1990.

Cùng địa chỉ: thôn F, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

+ Anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 2007. (Vắng mặt)

Người đại diện cho anh Nguyễn Thế Q: Bà Phạm Thị M, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: thôn F, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước.

+ Anh Điều P1, sinh năm 2000, địa chỉ: thôn F, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt).

+ Anh Điều Anh K, sinh năm 2006. (Có mặt).

Người đại diện cho Điều A K là anh Điều S, sinh năm 1998.

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

+ Anh Điều Gia B, sinh năm 2009. (Có mặt).

Người đại diện cho anh Điều Gia B là ông Điều Q1, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

+ Anh Điều Anh H3, sinh năm 2001, địa chỉ: Thôn E, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 19/5/2024 sau khi đã nhậu cùng nhau, Trần Anh H tiếp tục rủ cậu (em ruột của mẹ) là Điều Huỳnh Đ cùng với Điều P1, sinh năm 2000, HKTT: Thôn F, xã Đ, huyện B và Nguyễn Thế Q, sinh năm 2007, HKTT: Thôn F, xã P, huyện B về rẫy của gia đình thuê tại xã Đ, huyện B để nhậu tiếp. Lúc này, Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93L1 – 369.25 (xe mô tô của P1) chở P1, còn H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93B1 – 304.44 (xe mô tô của Đ) và Q điều khiển xe mô tô 93L1-302.16 đi một mình. Khi đi đến quán cà phê không biển hiệu tại Thôn F, xã P, huyện B thì H gặp Điều S, sinh năm 2007, HKTT: Thôn F, xã P, huyện B Do có mâu thuẫn từ trước với S nên H dừng xe đuổi đánh S, thấy vậy Đ, P1 và Q cũng dừng xe xông vào dùng tay chân và ghế nhựa đánh S. Sau khi S vùng thoát ra được và chạy ra điều khiển xe mô tô bỏ đi thì H, Đ và P1 tiếp tục đi về rẫy của gia đình H, còn Q điều khiển xe mô tô đi về nhà.

Khi đi đến đoạn đường gần “Ngã ba Bà H4” thuộc Thôn F, xã P, huyện B thì có anh Điều Anh H3, sinh năm 2001 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93P2 – 822.53 chở anh Điều B1, sinh năm 2001 và anh Điều A K, sinh năm 2006 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93L1-511.99 chở anh Điều Gia B, sinh năm 2009 cùng HKTT: Thôn E, xã Đ, huyện B đi cùng chiều phía sau. Đ nhìn thấy có xe mô tô đi phía sau, nghĩ rằng đây là nhóm người của Điều S đuổi theo để đánh trả thù nên Đ nói với H dừng xe lại và nói H “Lấy dao đưa cho cậu”. H lấy 01 con dao dài 85,5cm dắt ở bên phải xe mô tô kiểm soát 93B1 – 304.44 rồi đưa dao cho Đ. Sau đó, Đ cầm dao bằng tay phải giấu phía sau lưng rồi cùng H đi bộ ngược lại chặn xe mô tô của H3 và K, còn P1 vẫn ngồi trên xe mô tô biển kiểm soát 93L1 – 369.25.

Khi thấy Đ và H đi lại chặn xe thì H3 và K dừng xe lại, H hỏi H3 “Tụi mày đi đâu?” thì H3 trả lời “Ở bên Đồng Nai”, H tiếp tục hỏi “Chắc chưa” rồi rút chìa khoá xe mô tô H3 đang điều khiển thì xảy ra mâu thuẫn đánh nhau. Khi thấy H3 và B1 vừa bước xuống xe thì H dùng tay phải tát vào mặt H3, đồng thời Đ cầm dao bằng 02 tay chém 01 nhát theo hướng từ trên xuống vào vùng đầu của B1 làm bể nón bảo hiểm mà B1 đang đội rồi trúng vào đầu của B1 làm B1 ngã gục xuống đất, đồng thời làm con dao bị tụt cán. Ngay sau đó, Đ cầm cán dao và lưỡi dao chạy lại điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93B1 – 304.44, H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 93L1-369.25 chở P1 về rẫy. Đến ngày 20/5/2024, Điều Huỳnh Đ và Trần Anh H đến Công an huyện B để đầu thú, đồng thời giao nộp con dao gây án.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 240/KLTTCT-TTPY ngày 17/6/2024 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh B kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Điều S là 04%.

Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 243/KLTTCT-TTPY ngày 04/7/2024 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh B kết luận: Khuyết sọ thái dương đỉnh phải kích thước 12 x 12 cm đáy phập phồng; dập não kích thước 7,5 cm, liệt ½ người bên trái mức độ nặng; sẹo từ đỉnh trái đến thái dương phải kích thước 30 x 0,2 cm; sẹo từ trán phải tới đỉnh trái kích thước 14 x 0,2 cm. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Điều B1 là 85%.

Tại Kết luận giám định ADN số 523/KLTTCT-VPYQG ngày 25/09/2024 của V kết luận: Thử định tính phát hiện nhanh vết máu người trên các mẫu: dấu vết màu nâu đỏ nghi máu thu tại hiện trường, dấu vết màu nâu đỏ nghi máu dính trên mảnh nhựa, dấu vết thu trên lưỡi dao: dương tính; ADN thu từ các mẫu: dấu vết màu nâu đỏ nghi máu thu tại hiện trường, dấu vết màu nâu đỏ nghi máu dính trên mảnh nhựa, dấu vết thu trên lưỡi dao trùng khớp hoàn toàn với ADN của Điều Bình trên tất cả các locus STR đã so sánh; ADN thu từ dấu vết thu trên cán gỗ gửi giám định là ADN trộn lẫn của nhiều người và không thể tách rời ADN của từng người riêng biệt nên không thể so sánh với ADN của Điều Huỳnh Đ và Trần Anh H.

Vật chứng đồ vật, tài liệu thu giữ:

- Quá trình khám nghiệm hiện trường thu giữ:
 - + 01 mảnh nhựa tại vị trí số 02, kích thước (05 x 15)cm, một mặt mảnh nhựa được sơn màu trắng, trên mảnh nhựa có bám dính dấu vết màu đỏ còn ướt;
 - + Mẫu tăm bông thu dấu vết màu đỏ tại vị trí số 01.
- Quá trình tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú:
 - + 01 xe mô tô biển kiểm soát 93B1-304.444;
 - + 01 lưỡi dao bằng kim loại mũi nhọn, sống dao có hình răng cưa dài 36cm, lưỡi dao bản rộng nhất 05cm, dày 0,3cm, chuôi dao bằng kim loại kích thước (8,3 x 02) cm đánh vát nhọn;
 - + 01 cán gỗ trụ tròn dài 49,5cm, đường kính 3,2cm.
 - + 01 xe mô tô biển kiểm soát 93L1-369.25 do Điều P1 giao nộp.

Tại Cáo trạng số 55/CT-VKSBP-P2 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo Đ3 Huỳnh Đ và Trần Anh H về tội “Giết người” quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Điều Huỳnh Đ và Trần Anh H phạm tội “Giết người”;

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 15, 38, 50, 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt bị cáo Điều Huỳnh Đ từ 14 năm đến 15 năm tù.

Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 15, 38, 50, 57, 90, 98, 101, 102 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Anh H từ 06 năm đến 07 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại tiền viện phí, tổn thất thể chất và tinh thần.

Về vật chứng: đề nghị tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng đã nêu tại phần Vật chứng trong Cáo trạng; tiếp tục tạm giữ chiếc xe mô tô biển kiểm soát 93B1-304.444 của bị cáo Đ để đảm bảo việc thi hành án.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Điều Huỳnh Đ: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Tuy nhiên, mức hình phạt mà vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo là nghiêm khắc. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội chưa đạt; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; là lao động chính trong gia đình; là người dân tộc thiểu số, học vấn thấp; có nhân thân tốt; đồng ý thỏa thuận bồi thường cho bị hại để xử phạt bị cáo mức án từ 12 năm đến 13 năm tù.

- Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Anh H: Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú; đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại, có thiện chí về mức bồi thường thiệt hại cho bị hại; là người dân tộc thiểu số học vấn thấp; khi thực hiện hành vi phạm tội chưa đủ 18 tuổi; được bị hại xin giảm nhẹ một phần hình phạt để xử phạt bị cáo mức từ 05 năm đến 06 năm tù.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo Điều Huỳnh Đ và Trần Anh H xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Trần Anh H và Điều Huỳnh Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như nội dung bản Cáo trạng số 55/CT-VKSBP-P2 ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát

nhân dân tỉnh Bình Phước đã truy tố. Xét, lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra, Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống; phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm, phương thức thực hiện hành vi phạm tội và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có trong hồ sơ vụ án được xem xét công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận:

[3] Khoảng 21 giờ 30 ngày 19/5/2024, tuy không có mâu thuẫn từ trước với bị hại, nhưng khi thấy nhóm của bị hại đang lưu thông bằng xe máy phía sau, trong đó có anh Đ3 Anh H3 điều khiển xe 93P2-822.53 chở theo bị hại Điều B1 đến đoạn đường thuộc thôn F, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước, do nghi ngờ 02 người này đuổi theo đánh mình nên bị cáo Đ3 Huỳnh Đ nói bị cáo Trần Anh H đưa dao cho mình và được H đưa cho 01 con dao dĩa dài 85,5cm (có đặc điểm: lưỡi dao bằng kim loại mũi nhọn, sống dao có hình răng cưa dài 36cm, lưỡi dao bản rộng nhất 05cm, dày 0,3cm, chuôi dao bằng kim loại kích thước (8,3 x 02) cm đánh vát nhọn; cán gỗ trụ tròn dài 49,5cm, đường kính 3,2cm). Sau đó, bị cáo Đ dùng dao này chém vào cơ thể anh B1 theo hướng từ trên cao xuống trúng nón bảo hiểm bị hại B1 đang đội, làm vỡ nón bảo hiểm, lưỡi dao trúng vào đầu khiến anh B1 bị khuyết sọ thái dương đỉnh phải kích thước 12 x 12cm đáy phập phồng; dập não kích thước 7,5cm, liệt $\frac{1}{2}$ người bên trái mức độ nặng; sẹo từ đỉnh trái đến thái dương phải kích thước 30 x 0,2cm; sẹo từ trán phải tới đỉnh trái kích thước 14 x 0,2cm với tỉ lệ tổn thương cơ thể là 85%. Hành vi dùng dao rựa là hung khí nguy hiểm, có tính sát thương cao chém vào vùng trọng yếu trên cơ thể người khác khi giữa các bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn, xích mích như trên của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” với tình tiết định khung “Có tính chất côn đồ” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước đối với các bị cáo Điều Huỳnh Đ và Trần Anh H là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền được sống của bị hại Đ, việc bị hại không chết là ngoài ý muốn chủ quan của các bị cáo. Hành vi của các bị cáo ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, làm xấu đi giá trị tốt đẹp trong hành xử giữa con người với con người trong xã hội và thể hiện tính hung hăng, côn đồ nên cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi mà các bị cáo đã gây ra, nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho các bị cáo và xã hội.

[5] Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn nhưng cần phân tích vai trò của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

[6] Đối với bị cáo Điều Huỳnh Đ: Mặc dù bị cáo không có mâu thuẫn gì với bị hại Điều B1 nhưng chỉ vì nghi ngờ bị hại cùng nhóm bạn là những người đuổi theo đánh mình nên bị cáo là người chủ động nói bị cáo H đưa dao cho mình rồi dùng dao trực tiếp xâm phạm tính mạng, sức khỏe của bị hại Điều B1. Vì vậy, bị cáo được xác định là người thực hành tích cực nên phải chịu mức hình phạt cao

hơn bị cáo H.

[7] Đối với bị cáo Trần Anh H: Tuy không phải là người trực tiếp xâm phạm tính mạng, sức khỏe bị hại B1 nhưng khi nghe bị cáo Đ nói đưa dao thì bị cáo không ngăn cản mà lại đưa dao cho Đ để Đ thực hiện việc chém bị hại B1. Vì vậy, bị cáo H được xác định là đồng phạm với vai trò giúp sức tích cực và phải chịu mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên được áp dụng các quy định tại Chương XII của Bộ luật Hình sự về người chưa thành niên để áp dụng mức hình phạt cho phù hợp.

[8] Xét các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự sau: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, các bị cáo có vấn thấp, bị cáo Đ là người dân tộc thiểu số. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo H, sau khi phạm tội thì cha mẹ bị cáo là ông H3 và bà T1 đã tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại B1 số tiền 40.000.000 đồng và mua lễ vật đến nhà anh Điều B1 xin lỗi theo phong tục của người dân tộc M'Nông; tại phiên tòa người bị hại xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H. Vì vậy, bị cáo H được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 của Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại anh Điều B1, cha mẹ bị cáo là ông H3 bà T1 đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm dân sự, cụ thể: ngoài số tiền 40.000.000 đồng mà ông H3 bà T1 đã bồi thường cho anh Đ3 B1 thay bị cáo H và số tiền khoảng 17.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng mà ông H3 bà T1 đã chi phí để mua lễ vật (trâu, bò...) đến nhà anh Điều B1 làm lễ xin lỗi theo phong tục của người M'Nông thì các bị cáo và ông H3 bà T1 còn phải bồi thường cho anh Điều B1 các chi phí gồm: chi phí chữa trị thương tích, tiền mất thu nhập của bị hại, tiền bồi thường tổn thất tinh thần, tiền công chăm sóc của gia đình bị hại cho bị hại trong thời gian điều trị thương tích và sinh hoạt hàng ngày với tổng số tiền 600.000.000 đồng. Nghĩa vụ bồi thường được xác định như sau: bị cáo Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 400.000.000 đồng; bị cáo H, ông H3 và bà T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 200.000.000 đồng. Xét thấy, thỏa thuận trên của các bên là sự tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 mảnh nhựa kích thước (05 x 15)cm; 01 lưỡi dao bằng kim loại mũi nhọn, sống dao có hình răng cưa dài 36cm, lưỡi dao bản rộng nhất 05cm, dày 0,3cm, chuôi dao bằng kim loại kích thước (8,3 x 02) cm đánh vát nhọn; 01 cán gỗ trụ tròn dài 49,5cm, đường kính 3,2cm. Những vật chứng trên không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy;

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 93B1-304.444, nhãn hiệu Honda, số loại: Wave, số máy JA39E-1124926, số khung RLHJA3916KY263998, dung tích xi-lanh: 109 cm³, màu sơn xanh đậm (màu sơn ghi trong Chứng nhận đăng ký xe

mô tô, xe máy là Xanh đen bạc), xe không có yếm, xe đã qua sử dụng. Đây là chiếc xe do bị cáo mua nhưng chưa sang tên, cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 xe mô tô biển kiểm soát 93L1-369.25, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra xác định không liên quan đến vụ án nên đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp quy định pháp luật nên không xem xét.

[11] Đối với Điều P1 là người đi cùng với 02 bị cáo trên đường về nhà nhưng quá trình đi P1 không tiếp nhận ý chí của Đ và H về việc đánh bị hại, không tham đánh anh B1, Viện kiểm sát không truy tố nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Đối với hành vi gây thương tích 04% cho anh Điều S, do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Điều Huỳnh Đ, Điều P1 mỗi người 6.500.000 đồng và Nguyễn Thế Q, Trần Anh H mỗi người 3.250.000 đồng, Viện kiểm sát không truy tố về hành vi liên quan đến anh Điều S nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[13] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

[14] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Trần Anh H và Điều H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[15] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng;

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do các bị cáo, ông H3, bà T1 có hoàn cảnh khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nên được Hội đồng xét xử quyết định giảm một $\frac{1}{2}$ án phí, do đó bị cáo Đ phải chịu: $(400.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) : 2 = 10.000.000 \text{ đồng}$; bị cáo H, ông H3 và bà T1 phải liên đới chịu: $(200.000.000 \text{ đồng} \times 5\%) : 2 = 5.000.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Điều Huỳnh Đ và Trần Anh H phạm tội “Giết người”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 15, 17, 38, 50, 57, 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Điều Huỳnh Đ** 13 (mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 20/5/2024.

- Căn cứ điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự; các điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51; các điều 15,17, 38, 50, 57, 58, 90, 91, 98, 101, 102 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo **Trần Anh H 06** (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt từ tính từ ngày 20/5/2024.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các điều 584, 585, 586, 587, 591 của Bộ luật Dân sự 2015;

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo Điều Huỳnh Đ, Trần Anh H, ông Trần Văn H1 và bà Điều Thị Ngọc T1 về trách nhiệm bồi thường thiệt hại, cụ thể:

Bị cáo Điều Huỳnh Đ có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Điều B1 số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng.

Bị cáo Trần Anh H, ông Trần Văn H1 và bà Điều Thị Ngọc T1 có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Điều B1 số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 mảnh nhựa kích thước (05 x 15)cm; 01 lưỡi dao bằng kim loại mũi nhọn, sống dao có hình răng cưa dài 36cm, lưỡi dao bản rộng nhất 05cm, dày 0,3cm, chuôi dao bằng kim loại kích thước (8,3 x 02) cm đánh vát nhọn; 01 cán gỗ trụ tròn dài 49,5cm, đường kính 3,2cm.

- Tiếp tục tạm giữ 01 xe mô tô biển kiểm soát 93B1-304.444, nhãn hiệu Honda, số loại: Wave, số máy JA39E-1124926, số khung RLHJA3916KY263998, dung tích xi-lanh: 109 cm³, màu sơn xanh đậm (màu sơn ghi trong Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy là Xanh đen bạc), xe không có yếm, xe đã qua sử dụng để bảo đảm việc thi hành án.

(Các vật chứng trên được bàn giao theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản số 0000399, quyền số 0008 ngày 06/11/2024 giữa Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước và Công an tỉnh B).

5. Án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều

23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Điều Huỳnh Đ và Trần Anh H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Điều Huỳnh Đ phải chịu 10.000.000 (mười triệu) đồng.; Bị cáo Trần Anh H, ông Trần Văn H1 và bà Điều Thị Ngọc T1 có trách nhiệm liên đới chịu 5.000.000 (năm triệu) đồng.

6. Quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND cấp cao tại TP.HCM (01);
- VKSND tỉnh Bình Phước (01);
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Bình Phước (01);
- PV 06 - Công an tỉnh (01);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Phước (01);
- Các bị cáo (02);
- Trại giam Công an tỉnh Bình Phước (02);
- Bị hại (01);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (02);
- Người bào chữa (02);
- Lưu Hồ sơ; THCTP; VP (04).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Đinh Thị Quý Chi

